**Biểu số: 01/XLD**

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

**(Số liệu tính từ ngày 15/01/2024 đến ngày 14/02/2024)**

*(Kèm theo Báo cáo số 26/BC-SKHCN ngày 05/02/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông)*

| Đơn vị | Tổng số đơn | Kỳ trước chuyển sang | | | Tiếp nhận trong kỳ | | | Số đơn đã xử lý | Đủ điều kiện xử lý | | Phân loại đơn theo nội dung | | | Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết | | | | Kết quả xử lý | | | | | | | | Số văn bản phúc đáp nhận đưuọc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Đơn có nhiều người đứng tên | Đơn một người đứng tên | Đơn khác | Đơn có nhiều người đứng tên | Đơn một người đứng tên | Đơn khác | | Số đơn | Sô vụ việc | Khiếu nại | Tố cáo | Kiến nghị, phản ánh | Đã giải quyết | | Đang giải quyết | Chưa giải quyết | Đơn thuộc thẩm quyền | | | | Đơn không thuộc thẩm quyền | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | Lần đầu | Nhiều lần | | | Tổng số | Khiếu nại | Tố cáo | Kiến nghị, phản ánh | Tổng số | Hướng dẫn | Chuyển đơn | Đôn đóc giải quyết | |
| *MS* | *1=2+...+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9=11+12+13=14+15+16+17=18+22* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18 = 19+20+21* | *19* | *20* | *21* | *22 = 23+24+25* | *23* | *24* | *25* | *26* |
| Sở KH&CN | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |

**Biểu số: 02/XLD**

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI

**(Số liệu tính từ ngày 15/01/2024 đến ngày 14/02/2024)**

*(Kèm theo Báo cáo số: 26/BC-SKHCN ngày 05/02/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông)*

| Đơn vị | Tổng số đơn | Đơn kỳ trước chuyển sang | | Tiếp nhận trong kỳ | | Số đơn đã xử lý | | | Đơn đủ điều kiện xử lý | | Phân loạivụ việc theo nội dung | | | | | | | Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết | | | | | Kết quả xử lý | | | | | | | Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | Lĩnh vực hành chính | | | | | | | Đã giải quyết | | | | | Vụ việc thuộc thẩm quyền | | | Vụ việc không thuộc thẩm quyền | | | | |
| | | Đơn có nhiều người đứng tên | Đơn một người đứng tên | Đơn có nhiều người đứng tên | Đơn một người đứng tên | Tổng | Đơn kỳ trước chuyển sang | Tiếp nhận trong kỳ | Số đơn | Sô vụ việc | Tổng | Chế độ, chính sách | Đất đai, nhà cửa | Khác | Lĩnh vực tư pháp | Lĩnh vực đảng, đoàn thể | Lĩnh vực khác | Lần đầu | Lần 2 | Đã có bản án của toàn | Đang giải quyết | Chưa giải quyết | Tổng | Lần đầu | Lần 2 | Tổng | Hướng dẫn | Chuyển đơn | Đôn đốc giải quyết | |
| MS | 1=2+…+5 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 7+8 | 7 | 8 | 9 | 10 = 11+15+16+17 = 18+22 = 23+26 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 = 24+25 | 24 | 25 | 26 = 27+28+29 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| Sở KH&CN | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |

**Biểu số:**
**03/XLD**

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO

**(Số liệu tính từ ngày 15/01/2024 đến ngày 14/02/2024)**

*(Kèm theo Báo cáo số: 26/BC-SKHCN ngày 05/02/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông)*

| Đơn vị | Tổng số đơn | Đơn kỳ trước chuyển sang | | | Tiếp nhận trong kỳ | | | Đơn đã xử lý | | | Đơn đủ điều kiện xử lý | | Phân loại vụ việc theo nội dung | | | | | | | | | Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết | | | | Kết quả xử lý | | | | | | | Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | | Lĩnh vực hành chính | | | | | | | | | | | Tố cáo tiếp | | Vụ việc thuộc thẩm quyền | | | Vụ việc không thuộc thẩm quyền | | | | |
| | | Đơn có nhiều người đứng tên | Đơn một người đứng tên | Đơn khác | Đơn có nhiều người đứng tên | Đơn một người đứng tên | Đơn khác | Tổng | Đơn kỳ trước chuyển sang | Tiếp nhận trong kỳ | Số đơn | Số vụ việc | Tổng cộng | Chế độ, chính sách | Đất đai, nhà cửa | Công chức, công vụ | Khác | Tham nhũng | Lĩnh vực tư pháp | Lĩnh vực đảng, đoàn thể | Lĩnh vực khác | chưa giải quyết, trong hạn | Đang giải quyết | Quá thời hạn chưa giải quyết | Đã có kết luận giải quyết | Tổng số | Tố cáo lần đầu | Tố cáo tiếp | Tổng số | Hướng dẫn | Chuyển đơn | Đôn đốc giải quyết | |
| *MS* | *1=2+...+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12 = 13+18+...+21=22+...+25=26+29* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* | *21* | *22* | *23* | *24* | *25* | *26 = 27+28* | *27* | *28* | *29 = 30+31+32* | *30* | *31* | *32* | *33* |
| Sở KH&CN | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |

**Biểu số: 04/XLD**

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

**(Số liệu tính từ ngày 15/01/2024 đến ngày 14/02/2024)**

*(Kèm theo Báo cáo số: 26/BC-SKHCN ngày 05/02/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông)*

| Đơn vị | Tổng số đơn | Kỳ trước chuyển sang | | | Tiếp nhận trong kỳ | | | Số đơn đã xử lý trong kỳ | | | Đủ điều kiện xử lý | | Phân loại vụ việc theo nội dung | | | | Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết | | | Kết quả xử lý | | | | Số văn bản phúc đáp nhận được |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Đơn có nhiều người đứng tên | Đơn một người đứng tên | Đơn khác | Đơn có nhiều người đứng tên | Đơn một người đứng tên | Đơn khác | Tổng số | Đơn kỳ trước chuyển sang | Đơn tiếp nhận trong kỳ | Số đơn | Số vụ việc | Chế độ, chính sách | Đất đai | Tư pháp | Khác | Đã được giải quyết | Đang giải quyết | Chưa giải quyết | Vụ việc thuộc thẩm quyền | Vụ việc không thuộc thẩm quyền | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tổng số | Chuyển đơn | Đôn đốc giải quyết | |
| *MS* | *1=2+...+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8 =9 +10* | *9* | *10* | *11* | *12 = 13+..+16 =17+..+19=20+21* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* | *21 = 22+23* | *22* | *23* | *24* |
| Sở KH&CN | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |